CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 1/2026)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi	Màu sắc TCU	Độ Đục	pH	Amoni	Chỉ số Pecmanganat	As	Vi sinh		Clo dư
											Coliforms	E.coli	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
QCVN 01-1:2024/BYT				*Không có mùi lạ*	*15*	*2*	*6.0-8.5*	*1*	*2*	*0.01*	<1	*< 1*	*0.2-1.0*
1	*Nhà máy nước Yên Phụ*												
1.1	Bơm II Yên Phụ	09/01/2026	0126.07/28	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.46	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0064	0	0	0.44
1.2	Số 22 Phan Đình Phùng	09/01/2026	0126.07/29	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.42	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0063	0	0	0.26
1.3	18 Hàng Bún	09/01/2026	0126.07/30	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.43	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0063	0	0	0.30
1.4	72 Nguyễn Trường Tộ	09/01/2026	0126.07/31	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.43	KPH (LOD= 0.08)	0.576	0.0058	0	0	0.36
1.5	16 Nguyễn Khắc Nhu	09/01/2026	0126.07/32	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.35	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0082	0	0	0.30
1.6	36 Cửa Bắc	09/01/2026	0126.07/33	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.42	KPH (LOD= 0.08)	0.576	0.0083	0	0	0.32
1.7	55 Phạm Hồng Thái	09/01/2026	0126.07/34	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.41	KPH (LOD= 0.08)	0.640	0.0061	0	0	0.25
1.8	25 Phan Huy Ích	09/01/2026	0126.07/35	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.41	KPH (LOD= 0.08)	0.512	0.0068	0	0	0.25
1.9	14 Ngũ Xã	09/01/2026	0126.07/36	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.35	KPH (LOD= 0.08)	0.640	0.0054	0	0	0.24
2	*Nhà máy nước Ngô Sĩ Liên*												
2.1	Bơm II Ngô Sĩ Liên	12/01/2026	0126.11/62	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.43	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0069	0	0	0.57
2.2	137 Hào Nam	12/01/2026	0126.11/63	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.38	KPH (LOD= 0.08)	0.512	0.0056	0	0	0.34
2.3	56 Lương Sử C	12/01/2026	0126.11/64	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.38	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0069	0	0	0.40
2.4	82 ngõ Văn Chương	12/01/2026	0126.11/65	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.40	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0063	0	0	0.33
2.5	101D9 Văn Chương	12/01/2026	0126.11/66	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.43	KPH (LOD= 0.08)	0.576	0.0057	0	0	0.35
2.6	Số 1 ngách 1 ngõ Lương Sử C	12/01/2026	0126.11/67	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.106	7.39	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0051	0	0	0.40
2.7	137 Hồ Linh Quang	12/01/2026	0126.11/68	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.43	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0063	0	0	0.36

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 1/2026)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi	Màu sắc TCU	Độ Đục	pH	Amoni	Chỉ số Pecmanganat	As	Vi sinh		Clo dư
											Coliforms	E.coli	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
3	*Nhà máy nước Mai Dịch*												
3.1	Bơm II Mai Dịch	06/01/2026	0126.02/02	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.205	7.34	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.001	0	0	0.67
3.2	Số 3 Mai Dịch	06/01/2026	0126.02/03	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.33	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0011	0	0	0.35
3.3	26 Mai Dịch	06/01/2026	0126.02/04	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.43	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	<0.0007	0	0	0.30
3.3	Ngõ 124 Mai Dịch	06/01/2026	0126.02/05	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.41	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0009	0	0	0.30
3.4	Số 1 Phạm Thận Duật	06/01/2026	0126.02/06	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.40	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0024	0	0	0.33
3.5	Gold mark city 136 Hồ Tùng Mậu	06/01/2026	0126.02/07	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.71	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0063	0	0	0.30
3.6	Số 1 Hồ Tùng Mậu	06/01/2026	0126.02/08	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.32	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0007	0	0	0.40
4	*Nhà máy nước Cáo Đỉnh*												
4.1	Bơm II Cáo Đỉnh	07/01/2026	0126.03/09	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.16	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0012	0	0	0.81
4.2	Số 2/408 Xuân Đỉnh	07/01/2026	0126.03/10	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.15	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.001	0	0	0.44
4.3	38/323 Xuân Đỉnh	07/01/2026	0126.03/11	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.14	KPH (LOD= 0.08)	0.512	0.0013	0	0	0.50
4.4	Số 9 Xuân Đỉnh	07/01/2026	0126.03/12	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.18	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0033	0	0	0.45
4.5	51/401 Xuân Đỉnh	07/01/2026	0126.03/13	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.12	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0035	0	0	0.40
4.6	552 Xuân Đỉnh	07/01/2026	0126.03/14	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.20	KPH (LOD= 0.08)	0.512	0.0019	0	0	0.52
4.7	356 Xuân Đỉnh	07/01/2026	0126.03/15	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	1.02	7.11	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0025	0	0	0.48

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 1/2026)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi	Màu sắc TCU	Độ Đục	pH	Amoni	Chỉ số Pecmanganat	As	Vi sinh		Clo dư
											Coliforms	E.coli	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
6	*Nhà máy nước Lương Yên*												
6.1	Bơm II Lương Yên 2	08/01/2026	0126.05/20	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.61	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0076	0	0	0.65
6.2	135 Lò Đúc	08/01/2026	0126.05/21	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.62	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0051	0	0	0.30
6.3	Số 1 Yecxanh	08/01/2026	0126.05/22	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.64	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0077	0	0	0.36
6.4	37 Lương Yên	08/01/2026	0126.05/23	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.62	KPH (LOD= 0.08)	0.064	0.0079	0	0	0.31
6.5	53B Hàng Chuối	08/01/2026	0126.05/24	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.62	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0086	0	0	0.40
7	*Nhà máy nước Nam Dư*												
7.1	Bơm II Nam Dư	21/01/2026	0126.20/106	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.10	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0044	0	0	0.54
7.2	259 Vĩnh Hưng	21/01/2026	0126.20/107	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.11	KPH (LOD= 0.08)	0.512	0.0045	0	0	0.21
7.3	48 Ngõ 47 Nam Dư	21/01/2026	0126.20/108	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.11	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.004	0	0	0.23
7.4	218 Lĩnh Nam	21/01/2026	0126.20/109	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.11	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.003	0	0	0.24
7.5	133 Đông Thiên	21/01/2026	0126.20/110	Không có mùi lạ	< 5	0.140	7.12	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.004	0	0	0.21
7.6	3 Ngõ 649/77/46 Lĩnh Nam	21/01/2026	0126.20/111	Không có mùi lạ	< 5	0.156	7.13	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0048	0	0	0.20
7.7	144 Tây Trà	21/01/2026	0126.20/112	Không có mùi lạ	< 5	0.241	7.25	KPH (LOD= 0.08)	0.512	0.0056	0	0	0.25

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 1/2026)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi	Màu sắc TCU	Độ Đục	pH	Amoni	Chỉ số Pecmanganat	As	Vi sinh		Clo dư
											Coliforms	E.coli	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
8	*Nhà máy nước Tương Mai*												
8.1	Bơm II Tương Mai	15/01/2026	0126.18/100	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.23	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0027	0	0	0.38
8.2	Số 65 ngõ 35 Nguyễn An Ninh	15/01/2026	0126.18/101	Không có mùi lạ	< 5	0.132	7.33	KPH (LOD= 0.08)	0.896	0.0038	0	0	0.21
8.3	103Q5C ngõ 106 Nguyễn An Ninh	15/01/2026	0126.18/102	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.20	KPH (LOD= 0.08)	0.768	0.0028	0	0	0.20
8.4	27 ngõ 259 Phố Vọng	15/01/2026	0126.18/103	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.39	KPH (LOD= 0.08)	0.704	0.0036	0	0	0.20
8.5	159 Nguyễn Đức Cảnh	15/01/2026	0126.18/104	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.21	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0028	0	0	0.21
9	*Nhà máy nước Hạ Đình*												
9.1	Bơm II Hạ Đình	12/01/2026	0126.11/57	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.46	0.16	0.384	0.0016	0	0	0.41
9.2	129 Thái Thịnh	12/01/2026	0126.11/58	Không có mùi lạ	< 5	0.136	7.20	KPH (LOD= 0.08)	0.768	0.0013	0	0	0.24
9.3	20 ngõ 113 Thái thịnh	12/01/2026	0126.11/59	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.35	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0021	0	0	0.27
9.4	54 A8 Vĩnh Hồ	12/01/2026	0126.11/60	Không có mùi lạ	< 5	0.161	7.30	KPH (LOD= 0.08)	0.512	<0.0007	0	0	0.26
9.5	48 ngách 34 ngõ Thịnh Quang	12/01/2026	0126.11/61	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.27	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0013	0	0	0.24
10	*Nhà máy nước Gia Lâm*												
10.1	Bơm II Gia Lâm 1	09/01/2026	0126.08/37	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.458	7.79	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0053	0	0	0.54
10.2	58 ngõ 28 Chu Huy Mân	09/01/2026	0126.08/39	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.377	7.82	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0058	0	0	0.47
10.3	87 ngõ 85 Sài Đồng	09/01/2026	0126.08/40	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.386	7.80	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0052	0	0	0.52
10.4	11 ngõ 81 Chu Huy Mân	09/01/2026	0126.08/41	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.393	7.79	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0056	0	0	0.40
10.5	84 Hoàng Thế Thiện	09/01/2026	0126.08/42	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.396	7.96	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.005	0	0	0.36
10.6	46/124 Nguyễn Lam	09/01/2026	0126.08/43	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.384	7.75	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.006	0	0	0.41
10.7	57 Tân Thụy	09/01/2026	0126.08/44	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.438	7.81	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0057	0	0	0.40

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 1/2026)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi	Màu sắc TCU	Độ Đục	pH	Amoni	Chỉ số Pecmanganat	As	Vi sinh		Clo dư
											Coliforms	E.coli	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
11	*Nhà máy nước Bắc Thăng Long*												
11.1	Bơm II Bắc Thăng Long GĐ1	14/01/2026	0126.14/75	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.79	KPH (LOD= 0.08)	0.576	<0.0007	0	0	0.45
11.2	Khu X2 Đông Trù	14/01/2026	0126.14/77	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.81	KPH (LOD= 0.08)	0.320	0.0013	0	0	0.21
11.3	21 Khu tái định cư Đông Trù	14/01/2026	0126.14/78	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.84	KPH (LOD= 0.08)	0.576	0.0009	0	0	0.23
11.5	Anh Nghĩa số 12 X2 Đông Trù	14/01/2026	0126.14/79	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.79	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0015	0	0	0.21
11.6	Công Ty Phương Thành Cầu Tứ Liên	14/01/2026	0126.14/80	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.82	KPH (LOD= 0.08)	0.512	0.002	0	0	0.20
11.7	Trung học cơ sở Ngô Quyền, Đông Trù	14/01/2026	0126.14/81	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.319	7.82	KPH (LOD= 0.08)	0.512	0.002	0	0	0.21
11.8	Số 6 đường Cửa Đình	14/01/2026	0126.14/82	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.70	KPH (LOD= 0.08)	0.576	<0.0007	0	0	0.30
11.9	Số 9 đường Cổng Hậu	14/01/2026	0126.14/83	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.71	KPH (LOD= 0.08)	0.448	<0.0007	0	0	0.28
12	Cổng 2 Hậu Dưỡng	14/01/2026	0126.14/84	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.86	KPH (LOD= 0.08)	0.384	<0.0007	0	0	0.31
12.1	Bác Hà khu 9 Thường Lệ, Quang Minh	14/01/2026	0126.14/85	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.97	KPH (LOD= 0.08)	0.512	0.0013	0	0	0.21
12.2	Ông Dục khu 9 Thường Lệ, Quang Minh	14/01/2026	0126.14/86	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.81	KPH (LOD= 0.08)	0.704	0.0012	0	0	0.22
12.3	Chị Bình khu 7 Thường Lệ, Quang Minh	14/01/2026	0126.14/87	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.77	KPH (LOD= 0.08)	0.576	<0,0007	0	0	0.24
12.4	Bác Lan khu 9 Thường Lệ, Quang Minh	14/01/2026	0126.14/88	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.80	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0016	0	0	0.21

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC NHÀ MÁY NƯỚC VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 1/2026)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi	Màu sắc TCU	Độ Đục	pH	Amoni	Chỉ số Pecmanganat	As	Vi sinh		Clo dư
											Coliforms	E.coli	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
12	*Nhà máy nước Pháp Vân*												
12.1	Bơm II Pháp Vân	15/01/2026	0126.18/95	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.122	7.31	KPH (LOD= 0.08)	0.512	0.0016	0	0	0.44
12.2	73 Bùi Huy Bích	15/01/2026	0126.18/96	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	< 0.10	7.38	KPH (LOD= 0.08)	0.576	0.0012	0	0	0.30
12.3	141 Giáp Nhị	15/01/2026	0126.18/97	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.187	7.28	KPH (LOD= 0.08)	0.576	0.0018	0	0	0.25
12.4	42 Thịnh Liệt	15/01/2026	0126.18/98	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.201	7.28	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0015	0	0	0.32
12.5	1295 Giải Phóng	15/01/2026	0126.18/99	Không có mùi lạ	KPH (LOD= 3)	0.101	7.28	KPH (LOD= 0.08)	0.576	0.0021	0	0	0.33
13	*Nhà máy nước Ngọc Hà*												
13.1	Bơm II Ngọc Hà	10/01/2026	0126.09/48	Không có mùi lạ	< 5	0.256	8.24	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0015	0	0	0.35
13.2	288 Đội Cấn	10/01/2026	0126.09/49	Không có mùi lạ	< 5	0.189	8.19	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0007	0	0	0.21
13.3	147 Đội Cấn	10/01/2026	0126.09/50	Không có mùi lạ	< 5	0.135	8.17	KPH (LOD= 0.08)	0.384	0.0014	0	0	0.22
13.4	12 Đào Tấn	10/01/2026	0126.09/51	Không có mùi lạ	< 5	0.137	8.21	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0009	0	0	0.20
13.5	Số 8 Ngõ 57 Phan Kế Bính	10/01/2026	0126.09/52	Không có mùi lạ	< 5	0.176	8.21	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0017	0	0	0.21

CHẤT LƯỢNG NƯỚC KIỂM TRA ĐỊNH KỲ TẠI CÁC TRẠM SẢN XUẤT VÀ MẠNG LƯỚI
(THÁNG 1/2026)

STT	Vị trí lấy mẫu	Ngày nhận mẫu	Mã mẫu	Mùi	Màu sắc TCU	Độ Đục	pH	Amoni	Chỉ số Pecmanganat	As	Vi sinh		Clo dư
											Coliforms	E.coli	
					TCU	NTU		mg/l	mg/l	mg/l	CFU/100ml	CFU/100ml	mg/l
QCVN 01-1:2024/BYT				*Không có mùi lạ*	*15*	*2*	*6.0-8.5*	*1*	*2*	*0.01*	*<1*	*< 1*	*0.2-1.0*
1	**Trạm cấp nước Thụy Khuê**												
1.1	Bơm II Thụy Khuê	10/01/2026	0126.09/45	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.76	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0074	0	0	0.30
1.2	170 Ngọc Hà	10/01/2026	0126.09/46	Không có mùi lạ	< 5	0.115	7.70	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0077	0	0	0.21
1.3	Số 27 ngách 38 ngõ 55 Hoàng Hoa Thám	10/01/2026	0126.09/47	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.83	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0083	0	0	0.23
2	**Trạm cấp nước Đông Mỹ**												
2.1	Bơm II Đông Mỹ	21/01/2026	0126.20/113	Không có mùi lạ	< 5	0.135	7.30	KPH (LOD= 0.08)	< 0.36	0.0025	0	0	0.28
2.2	51 đường Trường Thọ	21/01/2026	0126.20/114	Không có mùi lạ	< 5	0.130	7.31	KPH (LOD= 0.08)	0.512	0.0026	0	0	0.21
2.3	143 Đông Mỹ	21/01/2026	0126.20/115	Không có mùi lạ	< 5	0.102	7.26	KPH (LOD= 0.08)	0.448	0.0023	0	0	0.23
3	**Trạm cấp nước Hồng Vân**												
3.1	Bơm II Hồng Vân	08/01/2026	0126.04/16	Không có mùi lạ	< 5	0.466	7.59	0.47	0.896	0.0049	0	0	0.32
3.2	Lưu Thị Đặng số 8 ngách 2 ngõ Đoàn Kết, thôn Xâm Động, xã Hồng Vân	08/01/2026	0126.04/17	Không có mùi lạ	< 5	0.666	7.39	KPH (LOD= 0.08)	1.216	0.0038	0	0	0.24
3.3	Anh Cường số 2 đường 5 6-7, thôn Nò Bạn, xã Hồng Vân	08/01/2026	0126.04/18	Không có mùi lạ	< 5	0.451	7.26	KPH (LOD= 0.08)	1.024	0.0049	0	0	0.24
4	**Trạm cấp nước Bạch Mai**												
4.1	Bơm II Bạch Mai	13/01/2026	0126.13/72	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.43	0.16	0.384	0.003	0	0	0.32
4.2	Số 2 ngách 38 ngõ 15 Phương Mai	13/01/2026	0126.13/73	Không có mùi lạ	< 5	0.321	7.46	0.16	0.384	0.0032	0	0	0.21
4.3	Số 7 ngách 38 ngõ 15 Phương Mai	13/01/2026	0126.13/74	Không có mùi lạ	< 5	< 0.10	7.33	0.16	0.384	0.0021	0	0	0.23